TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày 09 tháng 9 năm 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nơi và ông Đinh Ngọc Phức.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 11/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T1 (T2);

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T2, số E L, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ L - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ KHCN.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Bùi Sỹ Q, ông Nguyễn Quang Đ, bà Nguyễn Thanh A, ông Bùi Bá T – Cán bộ Trung tâm xử lý nợ KHCN. Địa chỉ: Tòa nhà R, tầng 14, số D L, phường H, thành phố Hà Nội (Ông T có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Danh P1, sinh năm 1992; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình (Nay là thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên), (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn trình bày:*

1. Về quan hệ cho vay tín dụng

Ngày 07/09/2018, ông Đinh Danh P1 và T2 ký kết Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 119/2028/HDTD/TTKD.DDA/01. Nội dung hợp đồng cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: 212.000.000 đồng (Hai trăm mười hai triệu đồng).

+ Mục đích vay: Vay thanh toán tiền mua xe ô tô và thanh toán phí bảo hiểm an tâm tín dụng.

+ Thời hạn vay vốn: 48 tháng kể từ ngày 08/09/2018 đến ngày 07/09/2022.

+ Ngày giải ngân: 07/09/2018.

+ Lãi suất cho vay: Lãi suất linh hoạt như sau:

- Lãi suất áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên là: 9,4%/năm.

- Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 07/09/2018: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng*VND của T2 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.5%/năm.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay nêu trên, ông Đinh Danh P1 đã tự nguyện thế chấp tài sản là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, màu xanh, số khung RLLMF75DJJH953286, số máy B12D1Z1181638HN7X0028, BKS 17D-003.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020163 do Phòng CSGT – Công an tỉnh T cấp ngày 06/09/2018 cho ông Đinh Danh P1. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

2. Quá trình thực hiện hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đinh Danh P1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho T2 từ ngày 04/01/2019. T2 đã làm việc, gửi thông báo và tạo điều kiện ông P1 thanh toán nợ nhưng T2 không nhận được sự hợp tác trả nợ từ ông P1. Việc vi phạm nghĩa vụ của ông P1 như trên đã ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của T2.

Tính đến ngày 09/9/2025, ông P1 đã thanh toán cho T2 tổng số tiền 138.674.307 đồng (bao gồm nợ gốc: 104.081.814 đồng, nợ lãi: 34.592.493 đồng).

Ngân hàng TMCP T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc ông Đinh Danh P1 thanh toán ngay cho T2 dư nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tạm tính đến ngày 09/9/2025 là:

Nợ gốc: 107.918.186 đồng

Lãi trong hạn: 14.241.882 đồng

Lãi quá hạn: 89.752.788 đồng

Tổng: 221.912.856 đồng

2. Buộc ông Đinh Danh P1 thanh toán các khoản phát sinh trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và các thỏa thuận

khác đã ký từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thực tế thanh toán hết các nghĩa vụ cho T2.

3. Trong trường hợp kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực mà ông Đinh Danh P1 không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho T2 thì T2 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Đinh Danh P1 đối với T2. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đinh Danh P1 có nghĩa vụ phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho T2.

** Tòa án đã giao, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn ông Đinh Danh P1 không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.*

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/7/2025, ông Đinh Danh P2, sinh năm 1969 là bố đẻ ông Đinh Danh P1 cung cấp:* Anh Đinh Danh P1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên. Tại thời điểm Tòa án đến làm việc, anh P1 đi làm, không có mặt tại nhà. Gia đình ông có biết việc anh P1 vay tiền của ngân hàng. Tuy nhiên, anh P1 vay bao nhiêu tiền và vay vào mục đích gì thì ông không biết. Gia đình ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án dân sự của Tòa án tống đạt cho anh P1 và đã thông báo lại nội dung văn bản cho anh P1 được biết. Tuy nhiên, công việc của anh P1 bận mải nên anh không đến Tòa án làm việc được. Ông tự nguyện nhận các văn bản của Tòa án thay anh P1, ông cam đoan sẽ thông báo lại nội dung văn bản cho anh P1 được biết. Đối với chiếc xe ô tô là tài sản đảm bảo anh P1 đã thế chấp cho ngân hàng, ông không biết xe ô tô hiện đang ở đâu.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Bị đơn không đến Tòa án làm việc, không trình bày nội dung vụ án và quan điểm về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là T2 có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Đinh Danh P1 thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/9/2025 theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô hai bên đã ký kết. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là ông Đinh Danh P1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên. Do đó, yêu cầu khởi kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QĐ15; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông P1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Toà án tiến hành xét xử có mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng đã ký kết:

T2 có đăng ký kinh doanh tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0102744865 của Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp. Căn cứ vào nhu cầu vay vốn của ông P1, T2 và ông P1 đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 119/2028/HDTD/TTKD.DDA/01 ngày 07/09/2018, mục đích vay tiêu dùng. Xét chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Trong hợp đồng, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng. Tại thời điểm giao kết, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết:

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ông P1 đã thanh toán cho T2 một phần nghĩa vụ trả nợ là 138.674.307 đồng (nợ gốc: 104.081.814 đồng, nợ lãi: 34.592.493 đồng). Kể từ ngày 04/01/2019, ông P1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và lãi suất được chuyển sang nợ lãi quá hạn. Đến ngày 26/9/2020, ông P1 không thanh toán cho T2 thêm bất cứ khoản nợ nào. Như vậy, ông P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P1 vẫn không thanh toán số tiền còn nợ. Tính đến ngày 09/9/2025, ông P1 còn nợ T2 tổng số tiền: 221.912.856 đồng (trong đó nợ gốc là 107.918.186 đồng, lãi quá hạn là 89.752.788 đồng, lãi trong hạn là 14.241.882 đồng).

Ông P1 đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, được biết về số tiền còn nợ ngân hàng, số tiền lãi theo bảng kê tính lãi của ngân hàng. Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất:

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, T2 có chức năng hoạt động tín dụng theo Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và phần lãi suất do các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của nguyên đơn.

[2.4] Về xử lý tài sản thế chấp:

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, để đảm bảo cho khoản vay, ông P1 và T2 đã ký Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 119/2028/HDTD/TTKD.DDA/01 ngày 07/09/2018 thế chấp tài sản là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, màu xanh, số khung RLLMF75DJJH953286, số máy B12D1Z1181638HN7X0028, BKS 17D-003.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020163 do Phòng CSGT – Công an tỉnh T cấp ngày 06/09/2018 cho ông Đinh Danh P1. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/9/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp nêu trên, các bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Tài sản thế chấp được chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng khi ông P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ theo Điều 299 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo cách tính: 5% của phần giá trị tài sản có tranh chấp. Theo đó, án phí bị đơn phải chịu là: 5% x 221.912.856 đồng = 11.095.642 đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.019.000 đồng.

[4] Quyền kháng cáo: T2, ông P1 có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QĐ15;

Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 307; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 (T2):

Buộc ông Đinh Danh P1 phải trả cho T2 tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 09/9/2025 là:

Nợ gốc: 107.918.186 đồng

Lãi trong hạn: 14.241.882 đồng

Lãi quá hạn: 89.752.788 đồng

Tổng: 221.912.856 đồng (Hai trăm hai mươi mốt triệu chín trăm mười hai nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng)

Buộc ông Đinh Danh P1 thanh toán các khoản phát sinh trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và các thỏa thuận khác đã ký từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thực tế thanh toán hết các nghĩa vụ cho T2.

Trong trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà ông Đinh Danh P1 không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho T2 thì T2 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Đinh Danh P1 đối với T2. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đinh Danh P1 có nghĩa vụ phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho T2.

2. Về án phí:

Buộc ông Đinh Danh P1 phải nộp 11.095.642 đồng (Mười một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại T2 số tiền tạm ứng án phí là 5.019.000 đồng (Năm triệu không trăm mười chín nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000710 ngày 28/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên).

4. Quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 09/9/2025. Ông Đinh Danh P1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Nguyệt

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THA Dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Đương sự,
- Lưu hồ sơ, HCTP.

Đặng Thị Nguyệt